TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-PT
Ngày 11 - 8 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trần Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 07/2025/TLPT-HNGĐ ngày 20/6/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau) bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐ-PT ngày 10/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sử Khánh D, sinh ngày 16/02/1996

Căn cước công dân số 095096007563, cấp ngày 09/8/2021

Địa chỉ: ấp V, xã N, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: huyện H, tỉnh Bạc Liêu).

2. Bị đơn: Chị Quan Thị L, sinh ngày 07/7/2001

Căn cước công dân số 095301002490, cấp ngày 09/8/2021

Địa chỉ: ấp V, xã N, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: huyện H, tỉnh Bạc Liêu).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp V, xã N, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: huyện H, tỉnh Bạc Liêu).

Người kháng cáo: Bị đơn, chị Quan Thị L, sinh ngày 16/02/1996 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Sử Khánh D và chị Quan Thị L thống nhất xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 11/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L bồng con về nhà cha mẹ ruột ở đến nay không về chung sống với anh nữa, mặc dù gia đình hai bên đã hoà giải hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm không còn, nên xin ly hôn và chị L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Về con chung: Anh, chị thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Sử Quỳnh A, sinh ngày 31/8/2023, hiện chị L đang nuôi, nên anh chị thoả thuận tiếp tục giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung:

- Theo anh D xác định tài sản chung gồm: 03 lượng vàng 24k trị giá 249.000.000 đồng và 01 lượng vàng 18k trị giá 61.000.000 đồng, đây là số vàng của cha mẹ cho vợ chồng trong ngày cưới, sau đám cưới chị L quản lý toàn bộ số vàng và khi về nhà cha mẹ ruột sống chị L mang theo toàn bộ số vàng là tài sản chung vợ chồng. Nay anh yêu cầu được chia đôi số vàng.

- Theo chị L xác định tài sản chung vợ chồng là 19 chỉ vàng 24k gồm: 01 sợi dây chuyền 10 chỉ, 01 chiếc lắc 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ, 01 chiếc vòng tay 02 chỉ và 01 đôi bông tai 07 phân vàng 18k do cha mẹ chồng cho trong ngày cưới. Tuy nhiên, trong thời gian ly thân chị đã bán hết số vàng này để chăm lo cho con hiện nay không còn, nên không đồng ý chia. Đối với 01 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18 do cha mẹ chị cho riêng chị trước khi chị về nhà chồng nên chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh D.

Về nợ chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng không có thiếu nợ chun của ai.

- Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Trong đêm làm lễ xuất giá, gia đình bà có cho con gái 01 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18k, nên sô1 vàng này là tài sản riêng của L, không phải là tài sản chung vợ chồng, nên bà không đồng ý chia theo yêu cầu của D.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Sử Khánh D và chị Quan Thị L.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận, giao cháu Sử Quỳnh A, sinh ngày 31/8/2023 cho chị Quan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Sử Khánh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Sử Quỳnh A định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Anh Sử Khánh D có quyền trăm nom con không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chia cho anh Sử Khánh D và chị Quan Thị L mỗi người 14 chỉ 05 phân vàng 24k (loại vàng 98%) (bằng tiền Việt Nam đồng là 166.750.000 đồng) và chia cho chị Quan Thị L 10 chỉ vàng 18k (bằng tiền Việt Nam đồng là 86.400.000 đồng).

Buộc chị Quan Thị L có trách nhiệm giao trả cho anh Sử Khánh D 09 chỉ 05 phân vàng 24k (loại vàng 98%) (bằng tiền Việt Nam đồng là 109.250.000 đồng).

Chị Quan Thị L đang quản lý 09 chỉ 05 phân vàng 24k được giữ nguyên.

Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm giao trả cho anh Sử Khánh D 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) (bằng tiền Việt Nam đồng là 57.500.000 đồng) và giao trả cho chị Quan Thị L 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và 10 chỉ vàng 18k (bằng tiền Việt Nam đồng là 143.900.000 đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/5/2025, chị L kháng cáo không đồng ý chia 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k do mẹ chị cho trong đêm xuất giá, đối với số vàng do gia đình anh D cho trong ngày cưới gồm 19 chỉ vàng 24k là tài sản chung vợ chồng, nhưng trong thời gian không sống chung, chị nuôi con nên đã bán nuôi con hết, nên không còn, đồng ý chia.

Ngày 16/5/2025, bà P kháng cáo không đồng ý chia 10 chỉ vàng 24k do bà cho chị L trong đêm xuất giá, vì số vàng này bà cho riêng chị L, không phải là tài sản chung vợ chồng. Đối với 01 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18k bà đang giữ khi nào chị L đòi bà thì bà giao lại.

Ngày 20/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm xác định 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k là tài sản riêng của chị L và 19 chỉ vàng 24k chị L đã bán để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu hết nên việc cấp sơ thẩm chia 19 chỉ vàng 24k là chưa phù hợp quy định pháp luật, đề nghị sửa phần này của Bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị L và bà P, R toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên toà phúc thẩm chị L và bà P có mặt, anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân và con chung: Anh Sử Khánh D và chị Quan Thị L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết anh chị thống nhất thuận tình ly hôn, đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, sau khi xét xử anh chị không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, về quan hệ hôn nhân và chung chung nên đã có hiệu lực pháp luật, cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của chị L không đồng ý chia toàn bộ 29 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k. Hội đồng xét xử xét thấy, 19 chỉ vàng 24k do gia đình anh D cho trong ngày cưới và 10 chỉ vàng 24k cùng 10 chỉ vàng 18k do gia đình chị L cho trong đêm làm lễ xuất giá trước khi gia đình anh D đến rước dâu. Việc cho tài sản của gia đình nhà trai và gia đình nhà gái trong lễ xuất giá hay lễ rước dâu là theo phong tục tập quán của địa phương, mục đích của việc cho tài sản để đôi vợ chồng trẻ có tài sản, vốn liếng làm ăn chuẩn bị bắt đầu cho cuộc sống mới của vợ chồng anh D, chị L, việc tặng cho tài sản được thực hiện trước khi anh chị đăng ký kết hôn, nên không căn cứ Điều 33 luật Hôn nhân và gia đình để xác định đương nhiên là tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, xét về mặt ý thức của cha mẹ anh D, chị L đều xác định mục đích cho số vàng trên là cho chung chị L và anh D để có vốn tạo lập cuộc sống vợ chồng sau ngày cưới, nên căn cứ Điều 208 Bộ luật Dân sự quy định xác lập quyền sở hữu chung như sau "quyền sở hữu chung được xác lập theo thoả thuận, theo quy định của pháp luật hoặc theo tập quán". Theo đó, có căn cứ xác định 19 chỉ vàng 24k do gia đình anh D cho trong ngày cưới và 10 chỉ vàng 24k, 10 chỉ vàng 18k do bà P cho chị L trong đêm xuất giá là tài sản chung của anh

D và chị L, nên cấp sơ thẩm chia khi anh chị ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Xét kháng cáo của chị L không đồng ý chia 19 chỉ vàng 24k, vì chị cho rằng trong thời gian không sống chung, chị nuôi con và đã bán hết để nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 218 Bộ luật Dân sự quy định định đoạt tài sản chung "Việc định đoạt tài sản chung hợp nhất được thực hiện theo thoả thuận của các chủ sở hữu chung hoặc theo quy định của pháp luật". Theo đó, khi chị L bán 19 chỉ vàng 24k là tài sản chung nhưng không được sự đồng ý của anh D, mặc dù chị L xác định bán tài sản để phục vụ cho việc nuôi con là nhu cầu thiết yếu nhưng không được sự đồng ý của anh D, nên chị L phải tự chịu. Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, chị L không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các khoản chi tiêu phục vụ cho nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi con, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét kháng cáo này của chị L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị L.

[4] Xét kháng cáo của bà P xác định 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k là tài sản riêng của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích trong phần nhận định đối với kháng cáo của chị L, sở dĩ có việc vợ chồng bà cho chị L 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k xuất phát từ việc chị L đi lấy chồng và mục đích cho vàng để chị L có vốn làm ăn chuẩn bị cho cuộc sống vợ chồng của chị L, khi cho cũng không mong muốn chị L và anh D sẽ ly hôn, nên không xác định cho riêng, chỉ khi chị L và anh D ly hôn thì bà mới xác định cho riêng chị L. Do đó, có căn cứ xác định số vàng bà cho chị L trong đêm xuất giá mặc dù không có mặt anh D, nhưng sau khi anh D sang rước dâu, tại lễ cưới ở nhà anh D bà cũng công bố gia đình bên gái cho con 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k, nên cấp sơ thẩm chia 10 chỉ vàng 24k cho chị L và anh D mỗi người 05 chỉ và chia cho chị L 10 chỉ vàng 18k là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Trong quá trình giải quyết bà P thừa nhận đang giữ số vàng này nên buộc bà có trách nhiệm trả lại cho anh D và chị L là có căn cứ, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà P.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau (Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu). Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên toà phúc thẩm Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định kháng nghị nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Xét phần tuyên án của sơ thẩm, theo quy định của Ngân hàng N cá nhân không được giao dịch bằng vàng. Tuy nhiên, số vàng các bên tranh chấp được cha mẹ hai bên cho bằng vàng, theo khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình quy định tài sản chung vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị, theo đó, tài sản chung của anh chị chia được bằng hiện vật, nên chia theo hiện vật không cần phải quy đổi ra giá trị tại thời điểm giải quyết

nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên khi được phân chia tài sản. Do đó, cần sửa phần này của án sơ thẩm về cách tuyên án.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Quan Thị L và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

[8] Các phần quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Quan Thị L và bà Nguyễn Thị P, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, nay là Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 33, 43, 51, 53, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sử Khánh D đối với chị Quan Thị L.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Sử Khánh D, sinh ngày 16/02/1996 và chị Quan Thị L, sinh ngày 07/7/2001

2. Về con chung:

2.1. Công nhận sự thoả thuận: Giao cháu Sử Quỳnh A, sinh ngày 31/8/2023 cho chị Quan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh Sử Khánh D có quyền quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

2.2. Công nhận sự thoả thuận: Buộc anh Sử Khánh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Sử Quỳnh A, sinh ngày 31/8/2023 mỗi tháng 2.000.000 đồng

(Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Sử Quỳnh A tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 05/5/2025.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho anh Sử Khánh D 14 chỉ 05 phân vàng 24k (loại vàng 98%)

- Buộc chị Quan Thị L có trách nhiệm giao trả lại cho anh Sử Khánh D 09 chỉ 05 phân vàng 24k (loại vàng 98%)

- Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm giao trả cho anh Sử Khánh D 05 chỉ vàng 24k (loại vằng 98%)

3.2. Chia cho chị Quan Thị L 14 chỉ 05 phân vàng 24k (loại vàng 98%) và 10 chỉ vàng 18k.

- Chị Quan Thị L đang giữ 09 chỉ 05 phân vàng 24k được giữ nguyên.

- Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm giao trả cho chị Quan Thị L 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và 10 chỉ vàng 18k.

4. Về án phí dân sự hôn nhân và gia đình sơ thẩm, phúc thẩm:

4.1. Án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Sử Khánh D phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- An phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Sử Khánh D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

- Án phí chia tài sản anh Sử Khánh D phải nộp 8.337.500 đồng (Tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Tổng số tiền án phí anh Sử Khánh D phải nộp là 8.787.500 đồng (Tám triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng). Anh Sử Khánh D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.175.000 đồng, theo biên lai thu số 0007963 ngày 24/10/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Cà Mau) được chuyển thu án phí. Buộc anh Sử Khánh D tiếp tục nộp thêm số tiền 4.612.500 đồng (Bốn triệu, sáu trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Chị Quan Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Quan Thị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004309 ngày 19/5/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004310 ngày 19/5/2025, tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 9 – tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn